

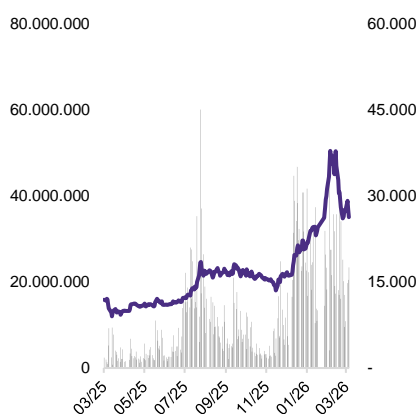
Lê Thị Kim Huệ

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Dầu khí
Ngày báo cáo	: 13/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 27.350
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 136.950
SLCPLH (CP)	: 5.007.299.686

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2024	2025
Tăng trưởng DTT (%)	-16,5%	15,1%
Tăng trưởng LNST (%)	-92,7%	726,1%
Biên LNG (%)	0,4%	4,3%
Biên LNST (%)	0,5%	3,7%
ROA (%)	0,7%	6,1%
ROE (%)	1,1%	8,6%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,29	0,17
EPS (VND/CP)	203	1.040
BVPS (VND/CP)	17.902	12.079

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Kế hoạch lợi nhuận năm 2026 thận trọng trong bối cảnh giá dầu biến động khó lường

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 13/04/2026

- **KQKD 2025 bứt phá, LNST gấp 7 lần svck:**
 - ✓ Năm 2025, doanh thu thuần (DTT) của BSR đạt 141,6 nghìn tỷ đồng (+15,1% svck), LNST cổ đông công ty mẹ đạt 5.214 tỷ đồng (+726% svck).
 - ✓ Sản lượng sản xuất tăng mạnh, đạt 7,94 triệu tấn (+20,5% svck) & sản lượng tiêu thụ đạt 7,91 triệu tấn (+22,4% svck).
 - ✓ Nhà máy Lộc dầu (NMLD) Dung Quất được vận hành an toàn, ổn định và liên tục ở công suất cao trong suốt năm 2025, công suất vận hành quy đổi trên 119% công suất thiết kế.
 - ✓ Trong năm 2025, giá dầu thô diễn biến phức tạp với xu hướng giảm chủ đạo do xung đột địa chính trị, cung vượt cầu khi OPEC+ và các nước ngoài OPEC+ gia tăng sản lượng và nhu cầu tiêu thụ chậm lại. Tính chung cả năm, giá dầu thô Dated Brent đã giảm 19% từ mức 79 USD/bbl (tháng 01/2025) xuống còn 63 USD/bbl (tháng 12/2025). Các sản phẩm chính cũng có xu hướng giảm nhưng mức giảm thấp hơn so với dầu thô dẫn đến khoảng chênh lệch giá sản phẩm và giá dầu thô (crack spread) duy trì ở mức tích cực.
 - ✓ Giá trị thực hiện đầu tư đạt 1.090 tỷ đồng (+191,5% svck, hoàn thành 91,8% kế hoạch điều chỉnh), nguyên nhân không đạt kế hoạch là vì Dự án Nâng cấp, mở rộng (NCMR) NMLD Dung Quất bị chậm tiến độ do các khó khăn trong công tác lựa chọn nhà thầu thi công và nguồn vật liệu đất đắp cho gói thầu San lấp mặt bằng.
- **KQKD Q1/2026:**
 - ✓ Trong năm 2025, BSR đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 31.005 tỷ đồng lên 50.073 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng.
 - ✓ Kết thúc Q1/2026, sản lượng sản xuất của BSR ước đạt 2.03 triệu tấn; Doanh thu ước đạt hơn 41 nghìn tỷ đồng (+28,5% svck), LNST đạt 3.347 tỷ đồng (+738% svck).
 - ✓ Trước tình hình chiến sự Trung Đông giữa Mỹ và Iran, BSR đã kích hoạt tình huống khẩn cấp, dự báo các kịch bản diễn biến thị trường, hiện đã đảm bảo nguồn dầu thô vận hành được ở công suất rất cao tới đầu tháng 7/2026. BSR được mua lại toàn bộ nguồn dầu thô sản xuất trong nước cho NMLD Dung Quất, sản lượng đủ để vận hành nhà máy ở 90% công suất thiết kế. BSR cũng đã ký kết với nhiều đối tác từ Mỹ, Tây Phi.

- Kế hoạch kinh doanh năm 2026 thận trọng:

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026 CỦA BSR

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2025	KH 2026	%YOY
SLSX	tấn	7.935.910	7.761.591	-2,2%
SLTT	tấn	7.907.420	7.707.987	-2,5%
Tổng Doanh thu	tỷ đồng	143.542	154.140	7,4%
LNST	tỷ đồng	5.217	2.162	-58,6%
Vốn đầu tư	tỷ đồng	1.090	8.578	686,8%
Cổ tức bằng tiền	%	3%	2%	

Nguồn: BSR, ABS Research

- ✓ Dự báo thị trường năm 2026 còn nhiều rủi ro, thách thức như căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới khiến giá dầu biến động khó lường; nguồn dầu thô nội địa suy giảm, buộc phải thay thế bằng các nguồn dầu nhập khẩu với chi phí cao hơn; áp lực cạnh tranh đang ngày càng gia tăng trong lĩnh vực xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cũng gia tăng tỷ lệ thuận theo số năm vận hành của NMLD Dung Quất nên BSR đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2026 khá thận trọng. Sản lượng sản xuất năm 2026 dự kiến đạt 7,76 triệu tấn (-2,2% svck), sản lượng tiêu thụ dự kiến đạt 7,71 triệu tấn (-2,5% svck), tổng doanh thu dự kiến đạt 154,14 nghìn tỷ đồng (+7,4% svck), nhưng LNST dự kiến giảm mạnh -58,6% svck về còn 2.162 tỷ đồng.
- ✓ Để thực hiện kế hoạch, BSR đưa ra nhiều biện pháp như: i) Nâng cao hiệu quả công tác dự báo giá dầu thô, sản phẩm, chi phí vận chuyển/bảo hiểm và thông tin cung - cầu thị trường, kết hợp với đánh giá rủi ro địa chính trị, tăng cường ứng dụng AI và Big Data vào công tác dự báo, qua đó xây dựng các kịch bản điều hành linh hoạt, kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội, giảm thiểu rủi ro.; ii) Đối với nguồn cung nội địa, BSR sẽ tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm và mở rộng giếng dầu thô, nguyên liệu trung gian, hướng tới đa dạng hóa nguồn cung, tối ưu hóa chi phí đầu vào và nâng cao hiệu quả sản xuất; iii) Vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả, phấn đấu đạt công suất vận hành quy đổi trung bình năm 2026 đạt trên 126,4% công suất thiết kế của nhà máy để nâng cao sản lượng và doanh thu góp phần bù đắp thiếu hụt doanh thu do giảm giá dầu thô; iv) Chủ động chuẩn bị cho công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 6 (TA6) dự kiến thực hiện vào năm 2027; v) Tập trung nguồn lực triển khai, đảm bảo tiến độ Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- ✓ BSR lên kế hoạch tổng vốn đầu tư năm 2026 lên tới 8.578 tỷ đồng (+686,8% svck), toàn bộ từ nguồn vốn chủ sở hữu, nhằm nỗ lực hoàn thành lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu chính của Dự án NCMR NMLD Dung Quất. BSR đang triển khai quyết liệt, đã khởi công san lấp mặt bằng và theo kế hoạch, tháng 10 sẽ bàn giao mặt bằng cho nhà thầu. BSR dự kiến hoàn thành dự án vào cuối năm 2028.
- ✓ BSR dự kiến đổi tên từ "CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn" thành "CTCP - Tổng Công ty Lọc hóa dầu Việt Nam", nhằm phù hợp với định hướng chiến lược, nâng tầm tổ chức và tái định vị hình ảnh trong chuỗi giá trị ngành dầu khí, tạo thuận lợi trong hợp tác quốc tế và tiếp cận thị trường vốn.
- ✓ Với định hướng chiến lược đến năm 2030 sẽ thành một công ty trong top 8 NMLD khu vực về doanh thu (hiện tại là top 10), BSR lên kế hoạch tăng cường năng lực sản xuất thông qua hoạt động M&A các nhà máy, công trình liên quan đến lọc dầu và hoá chất, đồng thời mở rộng kinh doanh quốc tế.
- ✓ Liên quan đến quy định niêm yết trên sàn HOSE, BSR đang phối hợp với tập đoàn mẹ để triển khai phương án tái cơ cấu vốn. Theo lộ trình, PVN dự kiến sẽ thực hiện thoái vốn hoặc chuyển nhượng cổ phần để giảm tỷ lệ sở hữu từ mức 92,13% xuống dưới 90% trong vòng một năm tới nhằm đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu của cổ đông nhỏ lẻ. Về dài hạn, tỷ lệ sở hữu nhà nước có thể giảm xuống mức 49% để tạo điều kiện thu hút các đối tác chiến lược quốc tế có tiềm lực về nguồn nguyên liệu.

- **Về phương án phân phối lợi nhuận:**

- ✓ Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, BSR dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 3%, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 364,3 tỷ đồng (7% LNST MI). Đặc biệt, BSR trích quỹ đầu tư phát triển 2.604 tỷ đồng (50% LNST 2025). Do nhu cầu vốn chủ sở hữu giai đoạn 2026-2030 là hơn 25,3 nghìn tỷ đồng nên cần trích lập nhằm đảm bảo nguồn vốn đối ứng cho các hoạt động đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- ✓ Về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026, BSR dự định chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 2%.

Đánh giá của ABS Research:

Chúng tôi đánh giá kế hoạch kinh doanh BSR đưa ra năm 2026 là quá thận trọng trong bối cảnh giá dầu tăng cao giúp mở rộng đáng kể crack spread. Chúng tôi cho rằng BSR có thể hoàn thành vượt mức nhiều lần kế hoạch đề ra.

- **Hưởng lợi nhờ giá dầu tăng mạnh do chiến sự Trung Đông:**

- ✓ **Kỳ vọng crack spread cải thiện đáng kể:** Giá dầu Brent đã tăng mạnh 71% so với cuối năm 2025 trước căng thẳng chiến sự Trung Đông và eo biển Hormuz bị đóng cửa làm gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu, từ đó giúp crack spread mở rộng đáng kể. Trong 2 tháng đầu năm 2026, crack spread của BSR vào khoảng 11 USD/thùng (+16% so với bình quân năm 2025). Khi chiến sự xảy ra, crack spread còn tăng hơn đáng kể. Crack spread của BSR năm 2026 sẽ phụ thuộc vào tình hình chiến sự Trung Đông kéo dài bao lâu, tuy nhiên chúng tôi đánh giá biên crack spread của BSR năm 2026 sẽ vẫn cải thiện đáng kể svck.

- ✓ **Sản lượng dự báo tăng svck:** Chúng tôi cho rằng sản lượng của BSR sẽ tăng trưởng tốt svck do NMLD Dung Quất hoạt động với công suất dự kiến có thể lên tới 126,4% trong năm 2026. Trong bối cảnh căng thẳng chiến sự hiện tại, BSR được mua lại toàn bộ nguồn dầu thô sản xuất trong nước và nguồn cung được đảm bảo cho nhà máy vận hành ở công suất rất cao tới đầu tháng 7/2026. Bên cạnh đó, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng 2 con số nên nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu cũng có xu hướng gia tăng. Thực tế, Q1/2026, sản lượng sản xuất của BSR đạt 2,03 triệu tấn (+13% svck).

- **Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất chính thức vận hành lại từ T2/2026 sau thời gian dài ngừng hoạt động.** Nhà máy đã vận hành vào cuối T2/2026, đang vận hành ở 50-70% công suất thiết kế (CSTK 100 triệu lit/năm), và có kế hoạch sẽ tăng lên tới 120% vào nửa cuối năm. Trong bối cảnh thị trường năng lượng thế giới có nhiều biến động do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông, việc đưa các nhà máy ethanol trong nước vào vận hành được xem là giải pháp quan trọng, cung cấp nguồn cung phục vụ pha chế xăng sinh học E10, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Theo quy định của Bộ Công Thương, từ ngày 1-6-2026, xăng không chì lưu thông trên toàn quốc phải được phối trộn thành xăng sinh học E10, trong khi xăng E5 RON92 tiếp tục được phép lưu hành đến hết năm 2030. Điều này đồng nghĩa với việc trong thời gian tới, phần lớn phương tiện giao thông tại Việt Nam ước tính khoảng 75 triệu xe máy và hơn 5,5 triệu ô tô sẽ từng bước chuyển sang sử dụng xăng sinh học.

- Về dài hạn, triển vọng của BSR được nâng đỡ bởi nhu cầu tiêu thụ xăng dầu vẫn duy trì ở mức cao. Dự báo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kép 5,5%/năm trong giai đoạn 2022-2030.

- **Động lực đến từ Dự án NCMR NMLD Dung Quất dự kiến hoàn thành năm 2028.** Sau khi hoàn thành, công suất chế biến của Nhà máy có thể tăng thêm 15% so với hiện tại, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và tính cạnh tranh của BSR về dài hạn. Ngoài ra, Chính phủ đang xây dựng Đề án phát triển Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Dung Quất với mục tiêu hình thành một tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, tích hợp đầy đủ các khâu từ lọc dầu, hóa dầu đến năng lượng và logistics, đặt tại KKT Dung Quất. Đề án dự kiến giúp BSR mở rộng chuỗi giá trị từ lọc dầu sang hóa dầu; tận dụng hệ sinh thái tích hợp để tối ưu chi phí logistics, nguyên liệu và đầu ra; thu hút dòng vốn và đối tác chiến lược quốc tế, tạo điều kiện triển khai các dự án quy mô lớn mà BSR khó có thể thực hiện độc lập; nâng tầm định vị doanh nghiệp từ một nhà máy lọc

dầu thuần túy lên mô hình tổ hợp năng lượng – hóa dầu tích hợp, qua đó mở ra dư địa tăng trưởng dài hạn và hỗ trợ quá trình tái định giá trên thị trường.

- Bên cạnh đó, nguồn nguyên liệu đầu vào của BSR dự kiến ổn định hơn trong bối cảnh giá nguyên liệu chiếm 95,7% cơ cấu chi phí của BSR khi kể từ ngày 01/07/2025 đến năm 2035, SOCAR Trading (công ty thương mại dầu khí quốc tế, trực thuộc SOCAR – Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Azerbaijan) sẽ cung cấp cho BSR tới 2 triệu thùng dầu/ tháng. Lượng dầu này dự kiến đáp ứng 50% nhu cầu nguyên liệu đầu vào của nhà máy (tương đương hơn 7 triệu tấn mỗi năm).
- ABS Research dự phóng DTT và LNST cổ đông công ty mẹ 2026F của BSR dự kiến đạt 154.000 tỷ đồng (+8,8% svck) & 9.398 tỷ đồng (+80,3% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 1.877 đ/cp & 13.655 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 14,57 và 2,0 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F dự kiến đạt 13,7%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA BSR

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	167.124	147.423	123.027	141.582
Giá vốn hàng bán	-151.027	-137.664	-122.536	-135.468
Lợi nhuận gộp	16.096	9.760	491	6.114
Doanh thu tài chính	1.750	2.652	2.230	1.917
Chi phí tài chính	-923	-1.155	-800	-481
Chi phí bán hàng	-909	-1.032	-652	-824
Chi phí QLDN	-515	-623	-561	-751
Lợi nhuận từ HKKD	15.500	9.602	708	5.974
Lãi/Lỗ khác	86	38	28	30
Lợi nhuận trước thuế	15.586	9.639	736	6.005
Lợi nhuận sau thuế	14.669	8.593	591	5.217
LNST cổ đông Công ty mẹ	14.726	8.650	631	5.214

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HKKD	7.088	11.673	-80	5.258
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	2.695	-17.874	7.990	-21.662
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-3.265	-177	3.833	-5.354
LCT thuần trong kỳ	6.518	-6.377	11.742	-21.759
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	16.346	22.853	17.001	28.995
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	22.853	17.001	28.995	7.626

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	2,25	2,41	2,24	2,95
Khả năng thanh toán nhanh	1,60	1,87	1,73	2,41
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,96	1,34	1,34	1,84
Khả năng thanh toán lãi vay	62,66	34,51	3,82	22,94

Cơ cấu vốn	2022	2023	2024	2025
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,65	0,66	0,63	0,71
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,35	0,34	0,37	0,29
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,17	0,19	0,29	0,17

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	32,0	37,2	38,4	31,9
Số ngày phải trả	29,3	39,0	43,3	34,8
Số ngày tồn kho	32,8	42,9	46,8	38,5

Khả năng sinh lời	2022	2023	2024	2025
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,6%	6,6%	0,4%	4,3%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	8,9%	5,6%	-0,2%	3,5%
Tỷ suất LNST	8,8%	5,8%	0,5%	3,7%
ROE	33,1%	15,8%	1,0%	9,0%
ROA	20,2%	10,4%	0,7%	6,0%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	22.853	17.001	28.995	7.626
+ Đầu tư ngắn hạn	2.172	21.122	14.022	36.136
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	16.553	14.955	12.457	13.539
+ Hàng tồn kho	16.809	15.531	15.891	12.667
+ Tài sản ngắn hạn khác	84	73	150	273
Tài sản ngắn hạn	58.471	68.681	71.516	70.241
+ Các khoản phải thu dài hạn	534	549	549	548
+ Tài sản cố định	18.075	16.071	13.216	11.292
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	1.275	1.195	1.352	2.032
+ Đầu tư dài hạn	10	10	10	9
+ Tài sản dài hạn khác	123	89	1.745	1.020
Tài sản dài hạn	20.017	17.914	16.871	14.902
Tổng Tài sản	78.488	86.595	88.387	85.143
+ Vay ngắn hạn	8.954	10.970	15.857	10.504
+ Nợ ngắn hạn khác	17.061	17.472	16.128	13.270
Nợ ngắn hạn	26.015	28.442	31.984	23.774
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	1.282	884	865	856
Nợ dài hạn	1.282	884	865	856
Tổng nợ phải trả	27.298	29.326	32.849	24.630
+ Vốn cổ phần	31.005	31.005	31.005	50.073
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.652	16.340	11.826	7.414
+ Quỹ khác	5.534	9.924	12.707	3.026
Vốn chủ sở hữu	51.190	57.269	55.538	60.513
Tổng cộng nguồn vốn	78.488	86.595	88.387	85.143

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	65,3%	-11,8%	-16,5%	15,1%
Tăng trưởng LNST	115,6%	-37,3%	-90,0%	529,9%
Tăng trưởng LNST	119,5%	-41,4%	-93,1%	782,6%
Tăng trưởng VCSH	36,3%	11,9%	-3,0%	9,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	17,5%	10,3%	2,1%	-3,7%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	2,8	6,7	112,3	15,5
P/B	0,8	1,0	1,3	1,33
EPS	4.750	2.789	203	1.040
BVPS	16.531	18.511	17.902	12.079

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tu hào
NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỖI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây